TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 9 - 2024
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1988. (có mặt).

Địa chỉ: B tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985. (vắng mặt).

Địa chỉ: B tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà V và ông T tự nguyện chung sống không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Bà V và ông T đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2023 cho đến nay không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng lần nào, hiện nay không còn quan hệ với

nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà V không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Bà V xác định, bà V và ông T có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Quốc V1, sinh ngày: 22/6/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 21/5/2010, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V1 và cháu Quỳnh A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V1, sinh ngày: 22/6/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 21/5/2010 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà V không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T hiện đang sinh sống tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp. Theo bà V, sau khi cưới vợ chồng chung hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bà V và ông T đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2023 cho đến nay mà không hàn gắn tình cảm vợ chồng lần nào, hiện nay không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như kinh tế, bà V không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã mời bà V và ông T để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T không có mặt, điều này cho thấy mâu thuẫn

giữa bà V và ông T là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở cho bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Bà V xác định, bà V và ông T có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Quốc V1, sinh ngày: 22/6/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 21/5/2010. Xét thấy, bà V có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bà V, đồng thời ông T vắng mặt và không có ý kiến gì về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu V1 và cháu Quỳnh A cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà V phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông T không phải chịu án tiền phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Quốc V1, sinh ngày: 22/6/2008 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày: 21/5/2010 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà V không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã

nộp theo biên lai thu số 0004394 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà V đã nộp đủ. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/9/2024), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND xã Phước Hưng, *(số 95,quyển số 01/2006 ngày 29/12/2006);*
- TAND tỉnh BRVT;
- Chi cục THADS H.Long Điền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Ngọc Dung